

Bản án số: 08/2023/KDTM-ST

Ngày: 17-7-2023

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán
bê tông thương phẩm*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Đông Thanh
- ***Các hội thẩm nhân dân:*** Ông Vũ Bá Bảo và bà Vũ Thị Lệ Thủy.
- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Lã Phú Huy - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà:*** Bà Lưu Thu Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Sơn Trà xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 15/2023/TLST-KDTM ngày 03 tháng 4 năm 2023; về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán bê tông thương phẩm*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2023/QĐXXST-KDTM ngày 01 tháng 6 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 55/2023/QĐST-KDTM ngày 20 tháng 6 năm 2023; giữa:

- Nguyên đơn: **Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại L.**
Địa chỉ: 730 đường N, phường A, quận Sơn Trà, TP. Đà Nẵng.
Đại diện theo pháp luật: Ông Lương Công P - Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền (Theo giấy ủy quyền số 07/UQ-2023 ngày 14/02/2023): Ông Nguyễn C – TP Kinh doanh.

Địa chỉ liên lạc: 127 đường C, phường H, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.
Có mặt.

- Bị đơn: **Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng S.**

Địa chỉ đăng ký kinh doanh: LK 18.6, Khu đô thị V, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ liên lạc: Số 2105-CT5 khu nhà ở Trung tâm thương mại H, phường H, quận H, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nghiêm Thọ H - Giám đốc. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Đại diện nguyên đơn ông Nguyễn C trình bày:*

Ngày 22/12/2020, Bên B - Chi nhánh Công ty Cổ phần xây dựng Thương Mại L (Bên B), ký kết Hợp đồng Kinh tế về việc mua bán bê tông thương phẩm số 108/HĐ-BT/2020/BTLB-SH với Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng S (Bên A), với nội dung như sau:

Theo Hợp đồng, Bên A đồng ý mua và bên B đồng ý bán bê tông thương phẩm. Bên B phải cấp đúng chủng loại, tiêu chuẩn theo yêu cầu của bên A và tiêu chuẩn chất lượng đăng ký của sản phẩm theo quy định kỹ thuật chung. Đơn giá là giá ghi trong hóa đơn GTGT trên cơ sở đơn giá trên Hợp đồng. Phương thức thanh toán: Vào ngày 25 hàng tháng Bên A và Bên B cùng nhau đối chiếu và xác nhận công nợ. Bên A xác nhận khối lượng cho Bên B. Sau thời gian trên mà Bên A không phản hồi thì xem như Bên A đã đồng ý với giá trị mà Bên B đã gửi cho Bên A. Bên A thanh toán xác nhận cho Bên B 100% giá trị công nợ trong thời gian là 10 ngày kể từ ngày đối chiếu xác nhận khối lượng, (từ ngày 25 đến ngày 05 của tháng sau). Bên B sẽ phải hoàn thành hóa đơn cho bên A.

Quá trình thực hiện các đơn hàng, bên bán đã giao hàng đúng số lượng, chất lượng và tiến độ cho bên mua. Sau khi Bên mua nhận hàng, đến thời hạn thanh toán

Bên bán đã nhiều lần đơn đốc công nợ nhưng bên mua vẫn không thực hiện đúng cam kết, vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng.

Vào ngày 17/01/2022, đại diện Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng S (Công ty S) và Bê Tông L – Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây dựng Thương Mại L (Bê tông L) đã tiến hành lập Biên bản đối chiếu công nợ cùng xác nhận: tính đến ngày 15/01/2022, Công ty S còn nợ Công ty L số tiền là: 330.905.000 đồng.

Theo khoản 3.3.2 Điều 3 hợp đồng: Nếu quá hạn mà Bên A vẫn chưa thanh toán cho Bên B thì Bên B sẽ tính lãi suất tín dụng quá hạn kéo theo lãi vay quá hạn của ngân hàng Bên B nhưng không được quá 15 ngày kể từ ngày quá hạn.

Đến nay, Bê Tông L đã nhiều lần yêu cầu Công ty S thanh toán nợ nhưng đều không nhận được sự phản hồi cũng như lý do chính đáng về việc chậm thanh toán. Việc chậm thanh toán của Công ty S đã gây rất nhiều khó khăn về tình hình kinh doanh và tài chính cho Công ty chúng tôi. Vì vậy, Bê Tông L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty S phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền: **330.905.000** đồng (*Ba trăm ba mươi triệu chín trăm linh năm nghìn đồng*).

** Bị đơn Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng S đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không đến nên không có lời khai của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng S trong hồ sơ vụ án và không có ý kiến phản hồi gì liên quan đến chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như ý kiến về việc có hay không yêu cầu phản tố.*

* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng.

+ Về người tham gia tố tụng:

* Đối với nguyên đơn: Chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

* Đối với bị đơn: Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không tham gia tố tụng. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt lần thứ hai là chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 227 BLTTDS, xét xử vắng mặt bị đơn.

+ Về nội dung: Căn cứ vào Điều 50 Luật Thương mại; chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng S phải thanh toán cho Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại L số tiền 330.905.000 đồng (*Ba trăm ba mươi triệu chín trăm linh năm nghìn đồng*).

***Về chứng cứ:**

Những sự kiện không cần phải chứng minh:

- Hợp đồng Kinh tế số: 108/HĐ-BT/2020/BTLB-SH ngày 22/12/2020 về việc mua bán bê tông thương phẩm được ký kết giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng S với Bê tông L – Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại L.

- Biên bản đối chiếu công nợ và đề nghị thanh toán ngày 17/01/2022 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng S với Bê tông L – Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại L.

- 04 Hóa đơn giá trị gia tăng ngày 30/11/2021, (25/12/2021)², 17/01/2022 do Bê tông L – Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại L bán hàng cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng S.

Những tình tiết các bên thống nhất: Không có.

Những tình tiết các bên không thống nhất: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa; Sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm giải quyết vụ án; Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa là bê tông thương phẩm giữa tổ chức với tổ chức có

đăng ký kinh doanh, có mục đích lợi nhuận là tranh chấp về kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hợp đồng Kinh tế số: 108/HĐ-BT/2020/BTLB-SH ngày 22/12/2020 được thực hiện cho Công trình là Trường Cao đẳng lương thực thực phẩm trên địa bàn quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng - do nguyên đơn lựa chọn Tòa án nơi thực hiện hợp đồng giải quyết tranh chấp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng S (là bị đơn trong vụ án, không có yêu cầu phản tố) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ngày 22/12/2020, Bê tông L - Chi nhánh Công ty Cổ phần xây dựng Thương Mại L và Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng S đã thống nhất ký kết Hợp đồng Kinh tế số: 108/HĐ-BT/2020/BTLB-SH về việc mua bán bê tông thương phẩm. Các bên tham gia hợp đồng có đủ năng lực pháp luật, năng lực hành vi dân sự và tự nguyện giao kết hợp đồng, nội dung và mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do vậy, hợp đồng trên là hợp pháp và làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên.

[2.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy: Quá trình thực hiện hợp đồng, Bê tông L đã giao hàng đúng số lượng, chất lượng và tiến độ cho Công ty S. Sau khi nhận hàng, Công ty S không thanh toán tiền cho Bê tông L đúng hạn như thỏa thuận. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo biên bản đối chiếu công nợ và đề nghị thanh toán ngày 17/01/2022, thì công nợ được hai bên xác nhận tính đến ngày 15/01/2022 Công ty S còn nợ Bê tông L số tiền: 330.905.000 đồng. Do Công ty S chưa thanh toán số tiền trên cho Bê tông L, mặc dù Bê tông L đã nhiều lần gửi biên bản đối chiếu công nợ và đề nghị thanh toán nhưng Công ty S vẫn không thực hiện là vi phạm thỏa thuận tại Điều 3 của Hợp đồng kinh tế ngày 22/12/2020 đã được hai bên ký kết. Do

đó, yêu cầu của Bê tông L yêu cầu Công ty S phải thanh toán số tiền 330.905.000 đồng là có cơ sở phù hợp với các Điều 50 Luật thương mại nên được chấp nhận.

Riêng về lãi suất đối với số tiền chậm trả trên, Bê tông L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[3] Về án phí KDTM-ST: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng S phải chịu án phí sơ thẩm đối với số tiền yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận là 330.905.000, tương ứng: 16.545.250 đồng, theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Hoàn trả cho Bê Tông L số tiền đã nộp tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 40, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 50 Luật Thương mại; Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán bê tông thương phẩm*” của Công ty Cổ phần xây dựng Thương Mại L đối với Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng S.

1. Buộc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng S phải thanh toán cho Công ty Cổ phần xây dựng Thương Mại L số tiền **330.905.000** đồng (*Ba trăm ba mươi triệu chín trăm linh năm nghìn đồng*).

2. Kể từ ngày Công ty Cổ phần xây dựng Thương Mại L yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng S còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí KDTM-ST:

3.1 Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng S phải chịu án phí: 16.545.250 đồng
(Mười sáu triệu năm trăm bốn mươi lăm ngàn hai trăm năm mươi đồng).

3.2 Hoàn trả cho Công ty Cổ phần xây dựng Thương Mại L 8.272.625 đồng
(Tám triệu hai trăm bảy mươi hai ngàn sáu trăm hai mươi lăm đồng) đã nộp tạm
ứng án phí (biên lai thu lệ phí, án phí Tòa án số: 0004740 ngày 01/12/2022 tại Chi
cục thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng).

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ
ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn
15 ngày nhận (hoặc niêm yết) bản án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật
thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự
có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án
hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án
dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành
án dân sự.

Nơi nhận :

- Đương sự;
- Viện KSND quận Sơn Trà;
- Chi cục THADS quận Sơn Trà;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Đông Thanh

